

TỔ CHỨC DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ “TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI” CHO HỌC SINH LỚP 11

Trần Trang Linh

Học viên cao học, Trường ĐHQG Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết tập trung xây dựng quy trình dạy học chuyên đề Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại cho học sinh lớp 11 theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Trên cơ sở phân tích vị trí, mục tiêu và nội dung của chuyên đề, nghiên cứu đề xuất cấu trúc triển khai gồm ba phần: bản chất xã hội – văn hóa của ngôn ngữ; sự phát triển của ngôn ngữ trong đời sống xã hội; và vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp. Quy trình dạy học được tổ chức theo các bước: khởi động, hình thành tri thức, đọc mở rộng, luyện tập – khảo sát thực tiễn, trình bày sản phẩm và đánh giá. Đồng thời, bài viết đề xuất cơ chế kiểm tra, đánh giá kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá sản phẩm. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc tổ chức dạy học chuyên đề Ngữ văn ở trường trung học phổ thông.

Từ khóa: dạy học chuyên đề; ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại; học sinh lớp 11; phát triển năng lực ngôn ngữ.

ORGANIZING THE TEACHING OF THE THEME “EXPLORING LANGUAGE IN MODERN SOCIAL LIFE” FOR GRADE 11 STUDENTS

Abstract: This article develops a teaching process for the topic Exploring Language in Modern Social Life for Grade 11 students in accordance with the competency-based orientation of the 2018 General Education Curriculum. Based on an analysis of the topic's role, objectives, and content, the study proposes a three-part structure: the socio-cultural nature of language, language development in social life, and the application of new linguistic elements in communication. The teaching process is organized into several steps, including warm-up activities, knowledge formation, extended reading, practice through field investigation, product presentation, and assessment. In addition, the article suggests an assessment framework combining formative assessment and product-based evaluation. The proposed process not only supports students in understanding language as a social and cultural phenomenon but also helps them develop communication competence, critical thinking, and responsible language use. The study provides a practical basis for implementing thematic teaching in high school Literature education.

Keywords: thematic teaching; language in modern social life; Grade 11 students; language competence development.

Nhận bài: 21/01/2026

Phản biện: 25/2/2026

Duyệt đăng: 28/02/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, quá trình toàn cầu hóa và giao thoa văn hóa đã làm cho ngôn ngữ biến đổi mạnh mẽ cả về chức năng, hình thức và phạm vi sử dụng. Ngôn ngữ không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là phương tiện lưu giữ, biểu đạt và kiến tạo bản sắc văn hóa của mỗi cộng đồng. Vì vậy, việc tổ chức dạy học chuyên đề “Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại” trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành cho học sinh nhận thức toàn diện về bản chất xã hội - văn hóa của ngôn ngữ, tính vận động, phát triển của ngôn ngữ trong đời sống và khả năng vận dụng các yếu tố ngôn ngữ mới vào giao tiếp thực tiễn. Thông qua chuyên đề này, học sinh không chỉ được trang bị tri thức ngôn ngữ học mang tính hệ thống mà còn có cơ hội phát triển năng lực giao tiếp, năng lực thích ứng xã hội, tinh thần tôn trọng sự đa dạng văn hóa và khả năng hội nhập trong bối cảnh toàn cầu.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai dạy học chuyên đề theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại các trường trung học phổ thông không chuyên hiện nay vẫn còn bộc lộ nhiều khó khăn. Dạy học theo chuyên đề vẫn là hình thức còn mới đối với cả giáo viên và học sinh; quy trình tổ chức chưa thống nhất; số lượng chuyên đề được triển khai trong thực tế còn hạn chế. Giáo viên gặp lúng túng trong việc lựa chọn ngữ liệu, tìm kiếm tài liệu tham khảo, thiết kế hoạt động học tập, xây dựng công cụ đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phân bổ thời gian dạy học phù hợp. Bên cạnh đó, các tài liệu hướng dẫn hiện hành còn mang tính khái quát, chưa cung cấp được các chỉ dẫn cụ thể về tổ chức hoạt động và kiểm tra đánh giá. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổ chức dạy học chuyên đề khả thi, cụ thể và phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Một số khái niệm cơ bản

Theo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên

đề học tập của môn học nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường. Các trường có thể xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Xét riêng chuyên đề “Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại” trong sách giáo khoa Ngữ văn 11, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, đây là chuyên đề ngôn ngữ duy nhất trong hệ thống 9 chuyên đề học tập dành cho học sinh trung học phổ thông theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Chuyên đề này cung cấp cho học sinh những tri thức nền tảng về bản chất xã hội và văn hóa của ngôn ngữ, đồng thời định hướng nhận diện và vận dụng các yếu tố ngôn ngữ mới trong đời sống đương đại. Tuy nhiên, xét trên phương diện nghiên cứu khoa học, số lượng công trình trực tiếp bàn về chuyên đề này hiện còn rất hạn chế. Đáng chú ý nhất là bài viết của Lê Phương Thúy và Văn Thị Minh Tư (2020), trong đó các tác giả đề xuất quy trình dạy học chuyên đề gồm 5 bước: giới thiệu chuyên đề và giao nhiệm vụ; học sinh tự học, thu thập tài liệu; thảo luận nhóm; trình bày sản phẩm; nhận xét, đánh giá và tổng kết. Nghiên cứu này có ý nghĩa định hướng ban đầu, góp phần xác lập khung quy trình tổ chức dạy học chuyên đề trong môn Ngữ văn ở trung học phổ thông.

2.2. Vị trí, vai trò của chuyên đề “Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại” trong chương trình Ngữ văn 11.

Chuyên đề “*Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại*” là chuyên đề về ngôn ngữ duy nhất trong tổng cộng 09 chuyên đề dành cho học sinh THPT theo chương trình GDPT 2018 (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*). Chuyên đề được xây dựng với ba nội dung chính: (1) Bản chất xã hội – văn hóa của ngôn ngữ; (2) Sự phát triển của ngôn ngữ trong đời sống xã hội; (3) Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp.

Thời lượng thực hiện chuyên đề là 15 tiết, phân bổ đều cho ba phần nội dung (mỗi phần 5 tiết). Chuyên đề “*Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại*” có ý nghĩa thiết thực trong việc phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của học sinh lớp 11.

Trước hết, ở phương diện năng lực ngôn ngữ, chuyên đề giúp học sinh nhận thức sâu sắc rằng ngôn ngữ không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là phương tiện lưu giữ, truyền tải các giá trị văn hóa, lịch sử và kinh nghiệm sống của cộng đồng. Việc tìm hiểu bản chất xã hội – văn hóa của ngôn ngữ tạo nền tảng để học sinh hiểu đúng vai trò của tiếng Việt trong đời sống hiện đại, đồng thời hình thành khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp với mục đích, đối tượng và bối cảnh giao tiếp. Bên cạnh đó, nội dung về sự vận động và phát triển của ngôn ngữ giúp học sinh nhạy bén trước những biến đổi ngôn ngữ trong thực tiễn, từ đó sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, chính xác và hiệu quả hơn.

Ở phương diện năng lực thẩm mỹ, chuyên đề góp phần bồi dưỡng khả năng cảm nhận và sáng tạo ngôn ngữ. Thông qua việc tiếp cận các cách diễn đạt mới, từ ngữ hiện đại và những sắc thái biểu đạt phong phú của đời sống đương đại, học sinh không chỉ mở rộng vốn từ mà còn nâng cao khả năng cảm thụ vẻ đẹp của ngôn ngữ trong giao tiếp và trong văn chương. Điều này giúp các em biết lựa chọn cách diễn đạt mạch lạc, tinh tế và giàu tính biểu cảm.

Về phát triển phẩm chất, chuyên đề giúp học sinh ý thức rõ hơn trách nhiệm đối với việc gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt trong bối cảnh toàn cầu hóa và truyền thông số. Khi hiểu ngôn ngữ là hiện tượng vừa mang tính xã hội vừa mang tính văn hóa, học sinh sẽ biết trân trọng tiếng mẹ đẻ, tiếp nhận cái mới một cách chọn lọc, tránh lạm dụng ngôn ngữ lệch chuẩn, qua đó hình thành phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, văn minh và khả năng hội nhập mà vẫn giữ gìn bản sắc dân tộc.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Quy trình tổ chức dạy học Chuyên đề “Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại”

Chuyên đề “*Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại*” được triển khai trong 15 tiết, chia thành 3 phần lớn tương ứng với ba mạch nội dung cốt lõi: bản chất xã hội – văn hóa của ngôn ngữ; sự phát triển của ngôn ngữ trong đời sống xã hội; và vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp. Cách tổ chức này bảo đảm tính logic từ nhận thức lí thuyết đến phân tích thực tiễn và cuối cùng là vận dụng trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

Bảng 1: Phân bố thời gian thực hiện chuyên đề

Phần	Nội dung	Tiết	Cấu trúc
1	Bản chất xã hội – văn hóa của ngôn ngữ: Ngôn ngữ là hiện tượng xã hội; Ngôn ngữ là bộ phận của văn hóa; Dấu ấn văn hóa trong tiếng Việt; Quan hệ giữa đa dạng ngôn ngữ và đa dạng văn hóa	1–5	Tìm hiểu tri thức (1–3); Luyện tập, vận dụng (4–5)
2	Sự phát triển của ngôn ngữ trong đời sống xã hội: Ngôn ngữ luôn vận động và biến đổi; Từ mới, nghĩa mới, cách nói mới; Từ vay mượn, tiếng lóng, ngôn ngữ mạng; Tác động của công nghệ, truyền thông, hội nhập	6–10	Tìm hiểu tri thức (6–8); Luyện tập, vận dụng (9–10)
3	Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp: Sử dụng ngôn ngữ phù hợp ngữ cảnh; Cân bằng giữa sáng tạo và chuẩn mực; Trách nhiệm xã hội trong sử dụng ngôn ngữ; Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong hội nhập	11–15	Tìm hiểu tri thức (11–12); Luyện tập, vận dụng (13–15)

Để bảo đảm tính thống nhất, toàn bộ chuyên đề được triển khai theo quy trình 5 bước. Quy trình này vừa tạo khung tổ chức rõ ràng cho giáo viên, vừa giúp học sinh chủ động trong học tập.

Bước 1. Khởi động và định hướng vấn đề.

Bước 2. Hình thành tri thức qua đọc, trao đổi và hợp tác nhóm

Bước 3. Mở rộng qua đọc văn bản học thuật và liên hệ thực tiễn.

Bước 4. Luyện tập, khảo sát, tạo sản phẩm.

Bước 5. Trình bày, phản hồi, đánh giá và vận dụng.

3.3. Tổ chức dạy học theo từng phần

Phần 1: Bản chất xã hội – văn hóa của ngôn ngữ (Tiết 1–5)

Đây là phần mở đầu, có chức năng đặt nền tảng lí thuyết cho toàn bộ chuyên đề. Mục tiêu cốt lõi là giúp học sinh hiểu ngôn ngữ không phải hiện tượng tự nhiên đơn thuần mà là sản phẩm của đời sống xã hội, đồng thời là một bộ phận cấu thành và phản ánh văn hóa.

Ở giai đoạn khởi động, giáo viên có thể đặt vấn đề bằng việc so sánh hiện tượng tự nhiên với hiện tượng xã hội, từ đó dẫn dắt học sinh đến nhận thức: ngôn ngữ là hiện tượng xã hội vì nó nảy sinh, tồn tại và phát triển trong cộng đồng người. Cách khởi động này đơn giản nhưng hiệu quả, vì học sinh có thể xuất phát từ vốn sống để từng bước tiếp cận vấn đề học thuật.

Sau đó, giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc nhóm với các nhiệm vụ tập trung vào những nội dung trọng tâm như: vì sao ngôn ngữ là bộ phận cấu thành văn hóa; dấu ấn văn hóa trong tiếng Việt; đặc điểm xung hô của tiếng Việt so với ngôn ngữ khác; mối quan hệ giữa đa dạng ngôn ngữ và đa dạng văn hóa. Các nhiệm vụ này giúp học sinh không chỉ tiếp nhận kiến thức một chiều mà còn

tự khám phá, so sánh, khái quát hóa.

Hoạt động đọc văn bản *Linh hồn tiếng Việt* được bố trí như một bước mở rộng. Văn bản cung cấp chiều sâu tư tưởng và tạo cơ hội cho học sinh thấy rõ hơn mối liên hệ giữa ngôn ngữ với tinh thần dân tộc, với lịch sử và bản sắc văn hóa. Qua đó, việc học tri thức ngôn ngữ học không còn khô khan mà gắn với cảm nhận và trách nhiệm giữ gìn tiếng Việt.

Ở giai đoạn luyện tập, học sinh được giao các nhiệm vụ như tìm hiểu những ngôn ngữ phổ biến trên thế giới, khảo sát các hiện tượng ngôn ngữ mang dấu ấn văn hóa, thể hiện thông tin bằng sơ đồ hoặc biểu đồ. Nội dung này giúp tri thức được cụ thể hóa qua ngữ liệu thực tế, đồng thời rèn luyện kĩ năng tìm kiếm, xử lí và trình bày thông tin.

Phần vận dụng của mạch nội dung thứ nhất có ý nghĩa chuẩn bị cho các tiết học sau. Giáo viên hướng dẫn học sinh lập kế hoạch khảo sát về các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống hiện đại, xác định đề tài, đối tượng, cách thu thập dữ liệu và tiêu chí đánh giá. Như vậy, từ việc học lí thuyết, học sinh được dẫn dắt sang hoạt động nghiên cứu nhỏ, tạo tính liên thông giữa các phần của chuyên đề.

Phần 2: Sự phát triển của ngôn ngữ trong đời sống xã hội (Tiết 6–10)

Nếu phần 1 giúp học sinh hiểu bản chất của ngôn ngữ, thì phần 2 hướng học sinh đến đặc điểm vận động, phát triển của ngôn ngữ trong bối cảnh xã hội hiện đại. Nội dung trọng tâm của phần này là nhận diện yếu tố mới của ngôn ngữ, giải thích nguyên nhân xuất hiện và đánh giá tác động của chúng đối với tiếng Việt. Hoạt động khởi động nên bắt đầu từ những ngữ liệu gần gũi như đoạn chat trên mạng xã hội, quảng cáo, bài đăng TikTok hoặc Instagram, từ đó yêu cầu học sinh nhận biết những từ hoặc cách nói mới. Cách tổ chức này tạo

cảm giác “ngôn ngữ đang sống” ngay trước mắt học sinh, giúp các em thấy bài học gắn chặt với đời sống hằng ngày.

Trong bước hình thành tri thức, giáo viên chia lớp thành các nhóm để tìm hiểu bốn mảng nội dung chính: sự phát triển của tiếng Việt; khái niệm yếu tố mới của ngôn ngữ; các kiểu từ mới như từ thịnh hành, ngôn ngữ giới trẻ, từ vay mượn, ngôn ngữ công nghệ; và tác động của các yếu tố đó đến tiếng Việt. Việc chia nhóm theo mảng nội dung giúp bao quát kiến thức một cách hệ thống nhưng không tạo áp lực quá tải cho từng học sinh.

Hoạt động đọc văn bản *Về nguyên tắc vay mượn* từ có vai trò bổ sung nền tảng học thuật, giúp học sinh nhận thức rằng vay mượn từ ngữ là hiện tượng bình thường trong quá trình phát triển của ngôn ngữ, song cần tuân theo nguyên tắc phù hợp và có chọn lọc. Từ đó, học sinh tránh được hai khuynh hướng cực đoan: hoặc phủ nhận mọi yếu tố mới, hoặc chấp nhận vô điều kiện mọi hình thức vay mượn, lai căng. Điểm nhấn của phần 2 là hoạt động khảo sát và báo cáo. Dựa trên kế hoạch đã xây dựng ở phần trước, các nhóm tiến hành thu thập ngữ liệu, xử lý dữ liệu, viết báo cáo và chuẩn bị thuyết trình. Giáo viên hướng dẫn học sinh cấu trúc báo cáo theo các phần: mở đầu, phương pháp, kết quả, thảo luận và kết luận. Đây là dịp để học sinh thực hành tư duy nghiên cứu ở mức đơn giản, đồng thời rèn kỹ năng trình bày khoa học.

Hoạt động báo cáo khảo sát và đánh giá ngang hàng không chỉ giúp học sinh củng cố kiến thức về sự phát triển của ngôn ngữ mà còn tạo môi trường để các em học hỏi lẫn nhau. Qua nhiều nhóm khảo sát với các góc tiếp cận khác nhau, học sinh sẽ nhận ra điểm chung: sự biến đổi của ngôn ngữ phản ánh trực tiếp những thay đổi của đời sống xã hội, đặc biệt là công nghệ, truyền thông, giao lưu quốc tế và nhu cầu biểu đạt của các nhóm xã hội mới.

Phần 3: Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp (Tiết 11–15)

Phần cuối của chuyên đề chuyển trọng tâm từ nhận diện hiện tượng sang định hướng hành động. Mục tiêu không chỉ là giúp học sinh biết yếu tố mới của ngôn ngữ là gì, mà quan trọng hơn là biết sử dụng chúng phù hợp, có trách nhiệm, có văn hóa và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Hoạt động khởi động được tổ chức qua các tình huống giao tiếp cụ thể: học sinh dùng tiếng lóng khi nói với giáo viên, bình luận công kích trên mạng xã hội, ngôn ngữ quảng cáo, hoặc ngôn ngữ trong phỏng vấn xin việc. Từ các tình huống đó, học sinh thảo luận về tính thích hợp của cách dùng ngôn ngữ trong từng bối cảnh. Cách khởi động này giúp vấn đề “trách nhiệm ngôn ngữ” trở nên

cụ thể và dễ tiếp cận.

Ở bước hình thành tri thức, giáo viên tổ chức cho học sinh phân tích bốn nội dung trọng tâm: sự phù hợp của ngôn ngữ với ngữ cảnh; trách nhiệm xã hội trong sử dụng ngôn ngữ; sự cân bằng giữa ngôn ngữ mới và ngôn ngữ truyền thống; và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ có trách nhiệm. Học sinh được khuyến khích đưa ví dụ từ đời sống học đường, mạng xã hội và giao tiếp hằng ngày để minh họa cho các nguyên tắc. Hoạt động đọc văn bản *Về tiếng ta* tiếp tục củng cố ý thức trân trọng tiếng Việt. Qua đó, học sinh nhận thấy việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt không đồng nghĩa với bảo thủ, khép kín, mà là sử dụng tiếng Việt một cách chủ động, chuẩn mực, sáng tạo và phù hợp với thời đại.

Ở phần luyện tập, giáo viên tổ chức bài viết nghị luận xã hội với đề tài về vai trò của giới trẻ trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Đây là hình thức đánh giá tổng hợp, cho phép học sinh huy động kiến thức toàn chuyên đề để lập luận, bày tỏ quan điểm và thể hiện năng lực sử dụng ngôn ngữ bằng văn bản.

Cuối cùng, hoạt động tranh biện với chủ đề “Có nên chêm xen tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày hay không?” là một hình thức vận dụng cao. Thông qua tranh biện, học sinh phải xác lập lập trường, xây dựng luận điểm, đưa dẫn chứng, phản biện ý kiến đối lập và bảo vệ quan điểm của mình. Quan trọng hơn, các em nhận ra rằng hiện tượng chêm xen tiếng nước ngoài vừa có mặt tích cực vừa có nguy cơ nếu bị lạm dụng; do đó, điều cần thiết không phải là phủ định tuyệt đối hay chấp nhận dễ dãi, mà là biết lựa chọn cách sử dụng phù hợp với ngữ cảnh, đối tượng và mục đích giao tiếp.

3.4. Quy trình kiểm tra, đánh giá

Công cụ đánh giá bao gồm: phiếu quan sát của giáo viên; rubric đánh giá báo cáo khảo sát; phiếu đánh giá ngang hàng trong hoạt động thuyết trình và tranh biện; phiếu tự đánh giá cá nhân; và bài kiểm tra viết cuối chuyên đề. Trong đó, phiếu tự đánh giá giúp học sinh nhìn lại mức độ hiểu mục tiêu chuyên đề, khả năng tham gia hoạt động nhóm, mức độ nắm vững khái niệm, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn và sự tự tin khi trình bày trước lớp. Việc đưa tự đánh giá vào quy trình không chỉ có giá trị kiểm tra mà còn góp phần bồi dưỡng năng lực tự học và tự điều chỉnh của học sinh. Kiểm tra, đánh giá trong chuyên đề này được thiết kế theo định hướng phát triển năng lực, kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Mục tiêu của đánh giá không chỉ là xếp loại kết quả học tập mà còn cung cấp thông tin phản hồi để điều chỉnh hoạt động dạy học và hỗ trợ học sinh tiến bộ (Bộ GD&ĐT, 2022)

Bảng 2: tỷ trọng đánh giá

Thành phần	Tỷ trọng	Nội dung
Quá trình học tập	40%	Tham gia hoạt động nhóm, thảo luận; hoàn thành nhiệm vụ; tự đánh giá và đánh giá ngang hàng
Sản phẩm nhóm	30%	Báo cáo khảo sát, chất lượng nội dung, phương pháp, kết luận, trình bày
Bài kiểm tra viết	30%	Bài nghị luận hoặc bài phân tích tổng hợp cuối chuyên đề

Cơ cấu này cho thấy sự cân đối giữa năng lực cá nhân và năng lực hợp tác, giữa quá trình và kết quả, giữa học tập trên lớp và năng lực vận dụng bằng sản phẩm cụ thể.

IV. KẾT LUẬN

Bài viết đã đề xuất một quy trình dạy học tương đối hệ thống cho chuyên đề *Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại* ở lớp 11, phù hợp với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Quy trình này được xây dựng trên nguyên tắc gắn kết giữa tri thức ngôn ngữ học với thực tiễn giao tiếp,

giữa hoạt động học tập trên lớp với khảo sát đời sống ngôn ngữ ngoài nhà trường, qua đó tạo điều kiện cho học sinh phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, tư duy phản biện và ý thức sử dụng tiếng Việt có trách nhiệm. Bên cạnh đó, hệ thống kiểm tra, đánh giá được thiết kế theo hướng đa dạng, công khai và chú trọng đánh giá quá trình giúp nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học chuyên đề. Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng như một gợi ý thực tiễn cho giáo viên Ngữ văn trong quá trình triển khai dạy học chuyên đề ở trường trung học phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn. Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng giáo dục và đào tạo.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.* Hà Nội.
- Lã Phương Thúy, Văn Thị Minh Tư (2020), *Dạy học chuyên đề “Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại” cho học sinh trung học phổ thông theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới (2018)*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Tập 16, Số 1, 25/12/2020.
- Nguyễn Thị Hồng Vân (2018), *Một số vấn đề về xây dựng chuyên đề học tập ở trường THPT trong Chương trình giáo dục phổ thông mới.* Tạp chí Khoa học Giáo dục.